

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới; sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 385/TTr-SNN ngày 07/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 11 danh mục và phê duyệt 14 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) ban hành mới; sửa đổi,

bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và PTNT, cụ thể như sau:

1. Công bố 11 danh mục thủ tục hành chính, trong đó: 09 TTHC ban hành mới (06 TTHC cấp tỉnh; 02 TTHC cấp huyện; 01 TTHC cấp xã); 03 TTHC cấp tỉnh được sửa đổi, bổ sung (Có Phụ lục I kèm theo).

2. Phê duyệt 14 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp đối với 11 thủ tục hành chính được công bố tại khoản 1 Điều này, trong đó: 11 quy trình đối với 01 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT (liên thông UBND tỉnh), 02 quy trình đối với 02 TTHC cấp huyện, 01 quy trình đối với 01 TTHC cấp xã (Có Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Bãi bỏ 03 danh mục thủ tục hành chính và 03 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, cụ thể:

1. Bãi bỏ 03 danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực Lâm nghiệp (Số thứ tự 03, 08, 09 mục VI phần A) ban hành kèm theo Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.

2. Bãi bỏ: 02 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực Lâm nghiệp (Số thứ tự 06, 07 mục A phần I) ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La; 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp (Số thứ tự 01 mục I) ban hành kèm theo Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 28/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La lĩnh vực Lâm nghiệp; lĩnh vực Khoa học công nghệ và Môi trường (Có phụ lục III kèm theo).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Như Điều 3;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm PV Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương (03 bản).

CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI						
1	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	41,25 ngày <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN&PTNT tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
2	Quyết định giao rừng cho tổ chức	35 ngày <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN&PTNT tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
3	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	15 ngày <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i> .	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN&PTNT tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
4	Phê duyệt phương án	15 ngày <i>(kể từ</i>	Bộ phận tiếp nhận	Trực tiếp; qua	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	<i>ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</i>	và trả kết quả Sở NN&PTNT tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử		18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
5	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	20 ngày <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN&PTNT tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
6	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	- Thuộc phạm vi quản lý của tỉnh: 28 ngày <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</i> - Thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: 39 ngày <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</i>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN&PTNT tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG						
1	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng,	45 ngày <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)</i>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN&PTNT tại	Trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua	Không	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỖI CẤP HUYỆN

TỔNG: 11 TTHC

Phụ lục II**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)***A. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA HĐND TỈNH, UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH (09 TTHC; 11 QT)****I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI (06 TTHC; 07 QT)****1. Tên TTHC: Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý**

- Thời gian giải quyết theo quy định: 55 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm: 41,25 ngày.
- Thời gian đã cắt giảm: 13,75 ngày (25%).
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Xin ý kiến thẩm định bằng văn bản của các sở, ngành, địa phương có liên quan	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản xin ý kiến thẩm định	4,25 ngày
B5	Ý kiến thẩm định của các sở, ngành, địa phương có liên quan	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Ý kiến thẩm định bằng văn bản của các sở, ngành, địa phương có liên	11 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
			quan	
B6	Hoàn thành thẩm định hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo văn bản (<i>Báo cáo thẩm định, Tờ trình, dự thảo QĐ</i>)	13,25 ngày
B7	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B8	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, dự thảo QĐ của Chủ tịch UBND tỉnh</i>)	1/4 ngày
B11	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>Xem xét và phê duyệt Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh</i>)			10,25 ngày
B13	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện				41,25 ngày

2. Tên TTHC: Quyết định giao rừng cho tổ chức

- Thời gian giải quyết theo quy định: 35 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*).

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo QLVR và BTTN	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Kiểm tra hồ sơ giao rừng	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLVR và BTTN	Văn bản xin ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B5	Kiểm tra hiện trạng rừng tại thực địa	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Ý kiến thẩm định bằng văn bản của các sở, ngành, địa phương có liên quan	25 ngày
B6	Lập tờ trình trình Chủ tịch UBND tỉnh	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLVR và BTTN	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình</i>)	02 ngày
B7	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVR và BTTN	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B8	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLVR và BTTN	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ của UBND tỉnh</i>)	1/4 ngày
B11	Tiếp nhận, chuyển liên	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT	Đính kèm HS liên thông (<i>scan</i>)	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	thông lên UBND tỉnh	tại Trung tâm PVHCC tỉnh		
B12	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>Xem xét và phê duyệt</i>)			05 ngày
B13	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện				35 ngày

3. Tên TTHC: Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức

- Thời gian giải quyết theo quy định: 20 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*).
- Thời gian giải quyết TTHC sau khi cắt giảm: 15 ngày.
- Thời gian đã cắt giảm: 05 ngày (25%).
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Lập tờ trình trình UBND tỉnh	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng Báo cáo	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình</i>)	05 ngày
B7	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B8	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ của UBND tỉnh</i>)	1/4 ngày
B11	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (<i>scan</i>)	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>Xem xét và phê duyệt</i>)			08 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B13	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

4. Tên TTHC: Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý

- Thời gian giải quyết theo quy định: 15 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*).
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Kiểm tra, xác minh	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Kết quả kiểm tra, xác minh	06 ngày
B5	Lập tờ trình trình UBND tỉnh	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình, dự thảo QĐ</i>)	02 ngày
B6	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B7	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B8	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B9	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ của UBND tỉnh</i>)	1/4 ngày
B10	Tiếp nhận, chuyển liên	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT	Đính kèm HS liên thông (<i>scan</i>)	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
	thông lên UBND tỉnh	tại Trung tâm PVHCC tỉnh		
B11	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>Xem xét và phê duyệt</i>)			05 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

5. Tên TTHC: Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng- Thời gian giải quyết theo quy định: 20 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*).

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo QLVR và BTTN	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Kiểm tra hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLVR và BTTN	Kiểm tra văn bản trả lại rừng	1/2 ngày
B5	Lập tờ trình trình UBND tỉnh	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLVR và BTTN	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình</i>)	12 ngày
B6	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVR và BTTN	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B7	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B8	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B9	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLVR và BTTN	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ của UBND tỉnh</i>)	1/4 ngày
B10	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (<i>scan</i>)	1/4 ngày
B11	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>xem xét và phê duyệt Quyết định thu hồi rừng</i>)			5 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	0 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
Tổng thời gian thực hiện				20 ngày

6. Tên TTHC: Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

a) Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh

- Thời gian giải quyết theo quy định: 35 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*).
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm: 28 ngày.
- Thời gian đã cắt giảm: 07 ngày (20%).
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Thẩm định, dự thảo văn bản xin ý kiến thẩm định	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Kiểm tra, xác minh	06 ngày
B5	Hoàn thành Báo cáo thẩm định trình lãnh đạo Sở NN& PTNT	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Báo cáo kết quả thẩm định	08 ngày
B6	Lập tờ trình trình UBND tỉnh	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình kèm hs</i>)	02 ngày
B7	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B8	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B9	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ HĐND tỉnh</i>)	1/4 ngày
B10	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (<i>scan</i>)	1/4 ngày
B11	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>Bao gồm cả thời gian trình HĐND tỉnh</i>)			10 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện				28 ngày

b) Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành

- Thời gian giải quyết theo quy định: 48 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*).
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm: 39 ngày.
- Thời gian đã cắt giảm: 09 ngày (18,75%).
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Thẩm định, dự thảo văn bản xin ý kiến thẩm định	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Kiểm tra, xác minh	05 ngày
B5	Hoàn thành Báo cáo thẩm định trình lãnh đạo Sở NN& PTNT	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Báo cáo kết quả thẩm định	08 ngày
B6	Lập tờ trình trình UBND tỉnh	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình kèm hs</i>)	01 ngày
B7	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B8	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ</i>)	1/4 ngày
B11	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (<i>scan</i>)	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>Bao gồm cả thời gian trình HĐND tỉnh</i>)			23 ngày
B12.1	<i>Lấy ý kiến của Bộ, ngành</i>	<i>UBND tỉnh</i>	<i>Văn bản xin ý kiến</i>	<i>03 ngày</i>
B12.2	<i>Bộ ngành tiếp nhận và xử lý</i>	<i>Bộ, ngành có liên quan</i>	<i>Văn bản của Bộ, ngành</i>	<i>15 ngày</i>
B12.3	<i>Trình HĐND tỉnh xem xét, Quyết định</i>	<i>UBND tỉnh</i>	<i>Tờ trình</i>	<i>05 ngày</i>
B13	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện				39 ngày

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (03 TTHC; 04 QT)

1. Tên TTHC: Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý

- Thời gian giải quyết theo quy định: 45 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo QLBR và BTTN	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Xin ý kiến thẩm định bằng văn bản của các sở, ngành, địa phương có liên quan	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLBR và BTTN	Văn bản xin ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B5	Ý kiến thẩm định của các sở, ngành, địa phương có liên quan	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Ý kiến thẩm định bằng văn bản của các sở, ngành, địa phương có liên quan	15 ngày
B6	Hoàn thành thẩm định hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLBR và BTTN	Báo cáo thẩm định	15 ngày
B6	Lập tờ trình trình Chủ tịch UBND tỉnh	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLBR và BTTN	Dự thảo Văn bản (Tờ trình, Dự thảo Quyết định)	2 ngày
B7	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng QLBR và BTTN	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B8	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLБVR và BTTN	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ</i>)	1/4 ngày
B11	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>Xem xét và phê duyệt Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí</i>)			10 ngày
B13	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện				45 ngày

2. Tên TTHC: Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý

- Thời gian giải quyết theo quy định: 45 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*).
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo QLVR và BTTN	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Xin ý kiến thẩm định bằng văn bản của các sở, ngành, địa phương có liên quan	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLVR và BTTN	Văn bản xin ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B5	Ý kiến thẩm định của các sở, ngành, địa phương có liên quan	Các sở, ngành, địa phương có liên quan	Ý kiến thẩm định bằng văn bản của các sở, ngành, địa phương có liên quan	15 ngày
B6	Hoàn thành thẩm định hồ sơ	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLVR và BTTN	Báo cáo thẩm định	15 ngày
B6	Lập tờ trình trình Chủ tịch UBND tỉnh	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLVR và BTTN	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình, Dự thảo Quyết định</i>)	02 ngày
B7	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVR và BTTN	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B8	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày

B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng QLБVR và BTTN	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ</i>)	1/4 ngày
B11	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>Xem xét và phê duyệt Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí</i>)			10 ngày
B13	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện				45 ngày

3. Tên TTHC: Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

a) Trường hợp: Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh đối với các diện tích của chủ rừng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh

- Thời gian giải quyết theo quy định: 35 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*).
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm: 28 ngày.
- Thời gian đã cắt giảm: 07 ngày (20%).
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B4	Thẩm định	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Kiểm tra, xác minh	10 ngày
B5	Hoàn thành thẩm định	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Báo cáo kết quả thẩm định	03 ngày
B6	Lập tờ trình trình UBND tỉnh	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình kèm hs</i>)	03 ngày
B7	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B8	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ</i>)	1/4 ngày
B11	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (<i>scan</i>)	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>Bao gồm cả thời gian trình HĐND tỉnh</i>)			10 ngày
B13	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện				28 ngày

b) Trường hợp: Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh đối với các diện tích rừng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành

- Thời gian giải quyết theo quy định: 48 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*).
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm: 39 ngày.
- Thời gian đã cắt giảm: 09 ngày (18,75%).
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Ý kiến phân công	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Thẩm định	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Kiểm tra, xác minh	09 ngày
B5	Hoàn thành thẩm định	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Báo cáo kết quả thẩm định	03 ngày
B6	Lập tờ trình trình UBND tỉnh	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình kèm hs</i>)	02 ngày
B7	Xét duyệt	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B8	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B9	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ</i>)	1/4 ngày
B11	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (<i>scan</i>)	1/4 ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>Bao gồm cả thời gian trình HĐND tỉnh</i>)			23 ngày
B12.1	<i>Lấy ý kiến của Bộ, ngành</i>	<i>UBND tỉnh</i>	<i>Văn bản xin ý kiến</i>	<i>03 ngày</i>
B12.2	<i>Bộ ngành tiếp nhận và xử lý</i>	<i>Bộ, ngành có liên quan</i>	<i>Văn bản của Bộ, ngành</i>	<i>15 ngày</i>
B12.3	<i>Trình HĐND tỉnh xem xét, Quyết định</i>	<i>UBND tỉnh</i>	<i>Tờ trình</i>	<i>05 ngày</i>
B13	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm HCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ</i>)	0 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
Tổng thời gian thực hiện				39 ngày

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (02 TTHC; 02 QT)**1. Tên TTHC: Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân**

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày (*kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*).
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm: 15 ngày.
- Thời gian đã cắt giảm: 05 ngày (25%).
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh UBND cấp huyện	Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Hạt Kiểm lâm tiếp nhận và xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phụ trách chuyên môn Hạt Kiểm lâm huyện	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Kiểm lâm viên	- Kiểm tra hồ sơ (<i>Văn bản trả lời trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ</i>). - Lập Tờ trình trình UBND cấp huyện quyết định (<i>Tờ trình, Dự thảo QĐ</i>).	08 ngày
		Lãnh đạo phụ trách chuyên môn Hạt Kiểm lâm huyện	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B4	Xem xét, trình UBND cấp huyện	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	Xét trình	1/2 ngày
B5	UBND cấp huyện xem xét quyết định	UBND cấp huyện	Xét duyệt Quyết định	05 ngày
B6	Lưu sổ và bàn giao	Kiểm lâm viên	Văn bản phát hành (<i>đính kèm kết quả</i>)	1/2 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện	Văn bản phát hành	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				15 ngày

2. Tên TTHC: Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 20 ngày *(kể từ ngày nhận được hồ sơ)*.
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm: 19 ngày.
- Thời gian đã cắt giảm: 01 ngày (5%).
- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Hạt Kiểm lâm tiếp nhận và xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phụ trách chuyên môn Hạt Kiểm lâm huyện	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Kiểm lâm viên	Lập Tờ trình trình UBND cấp huyện quyết định <i>(Tờ trình, Dự thảo QĐ)</i>	12 ngày
		Lãnh đạo phụ trách chuyên môn Hạt Kiểm lâm huyện	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B4	Xem xét, trình UBND cấp huyện	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	Xét trình	1/2 ngày
B5	UBND cấp huyện xem xét quyết định	UBND cấp huyện	Xét duyệt Quyết định	05 ngày
B6	Lưu sổ và bàn giao	Kiểm lâm viên	Văn bản phát hành <i>(đính kèm kết quả)</i>	1/2 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện	Văn bản phát hành	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				19 ngày

C. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC; 01 QT)**1. Tên TTHC: Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư**

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 40 ngày (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ).

- Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ UBND cấp xã	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận chuyên môn UBND cấp xã	Văn bản	04 ngày
B4	Chuyển hồ sơ đến Hạt Kiểm lâm huyện	UBND cấp xã	Văn bản chuyển	1/2 ngày
B5	Hạt Kiểm lâm kiểm tra nội dung giao rừng, kiểm tra hiện trạng khu rừng tại thực địa	Lãnh đạo phụ trách chuyên môn Hạt Kiểm lâm huyện	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Kiểm lâm viên	Lập Tờ trình, dự thảo QĐ	28 ngày
		Lãnh đạo phụ trách chuyên môn Hạt Kiểm lâm huyện	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B6	Trình UBND cấp huyện	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	Xét trình	1/2 ngày
B7	UBND cấp huyện xem xét quyết định	UBND cấp huyện	Xét duyệt Quyết định	05 ngày
B8	Lưu sổ và bàn giao	Kiểm lâm viên	Văn bản phát hành (đính kèm kết quả)	1/2 ngày
B9	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ UBND cấp xã	Văn bản phát hành	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				40 ngày

Phụ lục III:
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Nội dung quyết định công bố danh mục và phê duyệt quy trình bị bãi bỏ	Ghi chú
1	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	- Công bố danh mục: Số thứ tự 03 mục VI phần A ban hành kèm theo Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La. - Phê duyệt quy trình giải quyết: Số thứ tự 01 mục I ban hành kèm theo Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 28/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La lĩnh vực Lâm nghiệp; lĩnh vực Khoa học công nghệ và Môi trường.	
2	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	- Công bố danh mục: Số thứ tự 08 mục VI phần A ban hành kèm theo Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La. - Phê duyệt quy trình giải quyết: Số thứ tự 06 mục A phần I ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt Quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.	
3	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	- Công bố danh mục: Số thứ tự 09 mục VI phần A ban hành kèm theo Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La. - Phê duyệt quy trình giải quyết: Số thứ tự 07 mục A phần I ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt Quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.	
TỔNG: 03 TTHC			